

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 94/2020/HS-PT

Ngày 20 -11 - 2020

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà

*Các Thẩm phán:* Bà Phạm Thị Thúy Mai

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Thuỳ Dương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:***  
Bà Mầu Mai Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử Phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 106/2020/HS-PT ngày 31 tháng 8 năm 2020 do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 47/2020/HSST ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

***- Các bị cáo có kháng cáo:***

1. Đặng Hoàn N (tên gọi khác Đ), sinh ngày 06 tháng 12 năm 1996 tại thôn T, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; chức vụ đảng, đoàn thể: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; Quốc tịch: I N; con ông Đặng Văn H (đã chết) và bà Phùng Thị S; có vợ là Nguyễn Thị Hải Y và có 01 con; tiền án: Không; tiền sự có 01 tiền sự: Tại Quyết định về việc xử phạt hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự và phòng chống tệ nạn xã hội số 756/QĐ-XPVPHC ngày 30/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện M xử phạt Đặng Hoàn N 12.000.000đ về hành vi sử dụng các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ trái quy định nhưng chưa gây hậu quả; mua, bán, vận chuyển, tàng trữ vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ mà không có giấy phép, đã nộp phạt ngày 19/11/2018; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2019 đến ngày 19/5/2020 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, “có mặt”.

2. Nguyễn Văn I, sinh ngày 01 tháng 10 năm 1993 tại thôn X, xã G, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn X, xã G, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc;

nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; chức vụ đảng, đoàn thể: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; Quốc tịch: I N; con ông Nguyễn Văn O và bà Ngô Thị E; có vợ là Trần Thị F và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2019 đến ngày 23/4/2020 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, “có mặt”.

3. Kiều Xuân Q, sinh ngày 29 tháng 5 năm 1982, tại thôn U, xã K, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn U, xã K, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; chức vụ đảng, đoàn thể: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; Quốc tịch: I N; con ông Kiều Xuân J và bà Trịnh Thị C; có vợ là Lê Thị R và có 04 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo hiện đang tại ngoại tại địa phương đến nay, “có mặt”.

4. Dương Văn Z, sinh ngày 07 tháng 02 năm 1976, tại Khu W, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Khu W, thị trấn L, huyện L tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; chức vụ đảng, đoàn thể: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; Quốc tịch: I N; con ông Dương Công P và bà Nguyễn Thị N1; có vợ là Ngô Thị G1 (đã ly hôn) và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 10/11/2005, bị Công an huyện L xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000đ về hành vi đánh bạc, đã được xóa. Tại bản án số 03/2013/HSST ngày 25/01/2013 bị TAND tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc. Ngày 05/02/2014, chấp hành xong hình phạt tù và toàn bộ bản án, đã được xóa án tích; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2019 đến ngày 22/5/2020 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, “có mặt”.

5. Lê Văn T1, sinh ngày 08 tháng 8 năm 1977, tại thôn B, thị trấn H1, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn B, thị trấn H1, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 06/12; chức vụ đảng, đoàn thể: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; Quốc tịch: I N; con ông Lê Văn Q1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị V1 (đã chết); có vợ là Vũ Thị D và có 03 con; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tại Bản án số 16/HSST ngày 16/4/2009 bị Tòa án nhân dân huyện V xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 05 tháng 20 ngày về tội Đánh bạc. Tại Bản án số 01/HSST ngày 12/01/2012 bị Tòa án nhân dân huyện S1, tỉnh Lào Cai xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 05 tháng 12 ngày về tội Đánh bạc. Cả hai bản án đều đã được xóa án tích; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2019 đến ngày 23/4/2020 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, “có mặt”.

6. Nguyễn Thái I1, sinh ngày 22 tháng 12 năm 1974 tại phường L1, quận K1, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Cụm Z1, phường L1, quận K1, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; chức vụ đảng,

đoàn thể: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; Quốc tịch: I N; con ông Nguyễn Thái O1 và bà Tạ Thị X1; có vợ là Nguyễn Thị Thúy A1 và có 05 con; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tại Bản án số 197/HSPT ngày 28/12/1998 bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Tại Bản án số 72/HSST ngày 08/4/2008 bị Tòa án nhân dân quận E1, thành phố Hải Phòng xử phạt 03 tháng tù về tội Đánh bạc. Cả hai bản án đã được xóa án tích; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2019 đến ngày 19/5/2020 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, “có mặt”.

7. Nguyễn Văn C1, sinh ngày 09 tháng 8 năm 1990, tại P1, xã Y1, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn W1 P1, xã Y1, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; chức vụ đảng, đoàn thể: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; Quốc tịch: I N; con ông Nguyễn Văn U1 và bà Trần Thị L2; có vợ là Nguyễn Thị Linh C2 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/11/2019 đến ngày 30/11/2019 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, “có mặt”.

8. Nguyễn Văn Q2, sinh ngày 08 tháng 01 năm 1988, tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn Đ1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; chức vụ đảng, đoàn thể: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; Quốc tịch: I N; con ông Nguyễn Văn Y2 và bà Nguyễn Thị B1; có vợ là Đỗ Thị N2 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/11/2019 đến ngày 30/11/2019 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, “có mặt”.

9. Phạm Hồng K2, sinh ngày 31 tháng 8 năm 1991, tại xã T2, huyện V2, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn P2, xã T2, huyện V2, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; chức vụ đảng, đoàn thể: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; Quốc tịch: I N; con ông Phạm Hồng A2 và bà Phạm Thị E2; có vợ là Trần Thị U2 và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/11/2019 đến ngày 30/11/2019 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc đến nay, “có mặt”.

10. Nguyễn Văn G2, sinh ngày 25 tháng 01 năm 1990, tại xã O2, huyện D1, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn H2, xã O2, huyện D1, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; chức vụ đảng, đoàn thể: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; Quốc tịch: I N; con ông Nguyễn M4 R2 và bà Lê Thị Z2; có vợ là Trần Thị W2 và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/11/2019 đến ngày 30/11/2019 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, “có mặt”.

11. Nguyễn Văn R2, sinh ngày 26 tháng 12 năm 1989, tại xã J1, huyện M1, Thành Phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn I2, xã J1, huyện M1, Thành Phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; chức vụ đảng, đoàn thể: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; Quốc tịch: I N; con ông Nguyễn Văn N3 và bà Nguyễn Văn C3; có vợ là Nguyễn Thị Thanh H3 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/11/2019 đến ngày 30/11/2019 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, “có mặt”.

12. Nguyễn Hải T3, sinh ngày 13 tháng 01 năm 1982, tại xã J1, huyện M1, thành Phố Hà Nội; nơi cư trú: Xóm X2, Thôn I2, xã J1, huyện M1, thành Phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; chức vụ đảng, đoàn thể: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; Quốc tịch: I N; con ông Nguyễn Văn G3 và bà Nguyễn Thị P3 (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị A3 và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/11/2019 đến ngày 30/11/2019 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, “có mặt”.

13. Đoàn Hải L3, sinh ngày 07 tháng 02 năm 1985, tại xã V3, thị xã O3, tỉnh P4 Thọ; nơi cư trú: Khu X3, xã V3, thị xã O3, tỉnh P4 Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; chức vụ đảng, đoàn thể: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; Quốc tịch: I N; con ông Đoàn Văn U3 và bà Vũ Thị L4; có vợ là Nguyễn Thị Thanh H4 và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/11/2019 đến ngày 30/11/2019 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, “có mặt”.

14. Bùi M4 T4, sinh ngày 14 tháng 11 năm 1965, tại phường S2, thành phố V4, tỉnh P4 Thọ; nơi cư trú: Tổ 17, khu dân cư Hai Bà Trưng, phường S2, thành phố V4, tỉnh P4 Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; chức vụ đảng, đoàn thể: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; Quốc tịch: I N; con ông Bùi Công M2 (đã chết) và bà Lê Thị K3 (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị B3 và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/11/2019 đến ngày 30/11/2019 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, “có mặt”.

*Các bị cáo Bùi Văn U4, Lê Văn C4, Vũ Văn A4, Lê Xuân P4, Nguyễn Thị H5, Phương N4 K4, Nguyễn Thị T5, Đoàn Hữu T6, Nguyễn Thanh H6, Nguyễn Văn R2, Nguyễn Văn T7, Nguyễn Thị M3, Nguyễn Như Q3, Nguyễn Văn M4, Bùi Công N4, Trần Thị T8, Đàm Q3 T9, Nguyễn Văn Đ2, Trần Văn H6, Giang Văn T10, Nguyễn Thị P3 và Trần Thị S3 không có kháng cáo; bị cáo Giang Văn T11, Nguyễn Đình G4 có kháng cáo sau đó rút kháng cáo trước khi xét xử Phúc thẩm. Viện kiểm sát không kháng nghị.*

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 16/11/2019, Đặng Hoàn N, Lê Văn M4, Nguyễn Văn I, Giang Văn T11 và Lê Văn C4 cùng nhau ngồi uống nước tại quán nước ven bờ hồ thuộc phường Tích Sơn, thành phố V5, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình uống nước các đối tượng nói chuyện với nhau và biết nhà Bùi Văn U4 ở Thôn W1, xã G, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc có căn hầm kiên cố xây dựng tại khu vực bãi bơi, thuộc khuôn viên vườn của nhà U4 có thể tổ chức cho các con bạc đánh bạc được, các đối tượng đã bàn bạc và thống nhất đến thỏa T5 với U4 tổ chức cho các con bạc đánh bạc tại đây để thu lời. Sau khi bàn bạc thống nhất xong cùng ngày N, M4, I, C4 và T11 cùng nhau đi đến nhà U4 gặp và thỏa T5 với U4 về việc cho các đối tượng tổ chức đánh bạc tại căn hầm của nhà U4.

U4 đồng ý và cùng các đối tượng trên thống nhất phân công vai trò và tỷ lệ ăn chia khi tổ chức cho các con bạc đánh bạc, cụ thể như sau: U4 là người chịu trách nhiệm chuẩn bị địa điểm đánh bạc là căn hầm trong vườn nhà mình, chuẩn bị các dụng cụ phục vụ đánh bạc gồm thăm nỉ, bát để chơi bảng vị, ghế ngồi, giỏ nhựa để đựng tiền; T11 làm “hồ lý” (tức là quản lý lượng tiền của người chơi bạc đặt tiền xuống chiếu đánh bạc, rồi thu tiền của người thua trả cho người thắng) và thu tiền của những người tham gia đánh bạc rồi đưa lại cho U4; C4 chịu trách nhiệm cắt Q5 xóc, sau đó xóc cái để mọi người đánh bạc; N, M4 và I là người đứng ra cho các con bạc vay tiền trong sới để đánh bạc khi họ có nhu cầu, ngoài ra I còn chịu trách nhiệm đảm bảo an ninh trong sới bạc qua việc trực tiếp đóng mở cửa hầm cho các con bạc ra vào, thu điện T3 của các con bạc, chuẩn bị máy dò kim loại để kiểm tra các thiết bị nghe gọi và chuẩn bị các dụng cụ để đánh bạc.

Để đảm bảo sới bạc hoạt động an toàn kín đáo các đối tượng cùng thống nhất khi các con bạc đến sới để đánh bạc thì trước khi đánh bạc sẽ tập trung các con bạc tại vị trí cây xăng Đ3 thuộc xã Đ3, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc và khu vực quán cafe G5 ở ven đường QL2A thuộc Thôn W1, xã G, huyện V, sau đó dùng 01 xe ô tô để đón các con bạc đến nhà U4 để đánh bạc và trả các con bạc về tại vị trí này sau khi đánh bạc xong, N chịu trách nhiệm thuê xe ô tô và hàng ngày theo xe ô tô đưa đón các con bạc.

Đối với số tiền thu được từ việc tổ chức đánh bạc thì các đối tượng thống nhất ăn chia như sau: Toàn bộ tiền thu được của các con bạc đến đánh bạc thì U4 được hưởng, nhưng phải chịu trách nhiệm trả tiền cho lái xe ô tô đưa đón các con bạc với số tiền là 500.000đ/một lần; số tiền lãi thu được qua việc cho các con bạc vay tiền tại sới bạc thì I, N và M4 chia đều nhau; số tiền các con bạc thưởng cho xóc cái và hồ lý trong quá trình đánh bạc thì T11 và C4 được hưởng. Các đối tượng thống nhất sẽ tổ chức đánh bạc mỗi ngày hai ca, mỗi ca là 02 giờ, cụ thể: Ca 1 từ 15 giờ đến 17 giờ cùng ngày và ca 2 từ 23 giờ hôm trước đến 01 giờ sáng

ngày hôm sau. Bắt đầu cho các con bạc đánh bạc tại nhà U4 từ tối ngày 19/11/2019.

Sau khi thống nhất việc tổ chức đánh bạc với nội dung như trên thì Bùi Văn U4 đã chuẩn bị các dụng cụ để đánh bạc gồm: 58 chiếc ghế nhựa các loại để các con bạc ngồi đánh bạc, 10 chiếc giỏ nhựa để các đối tượng đựng tiền trong quá trình đánh bạc, 02 mảnh bạt đều được chia làm bốn ô, mỗi ô đều có 04 hình tròn và có ghi các chữ là “3 đen”, “3 trắng”, “4 đen”, “4 trắng” phục vụ đánh bằng vị và 01 chiếc thảm nỉ màu đỏ để trải làm chiếu đánh bạc; Nguyễn Văn I chuẩn bị 01 chiếc vali màu đen, bên trong có 04 chiếc bát sứ màu trắng, 02 chiếc đĩa sứ màu xanh để làm dụng cụ xóc đĩa, 02 con dao phay có chuôi gỗ dùng để chặt Q5 xóc, 01 chiếc bình gas mini ở phần đầu có gắn khò để khò làm đen 1 mặt Q5 xóc và 01 thanh tre để cắt làm Q5 xóc đĩa, 01 máy dò kim loại màu đen trên thân có chữ “FISHEK” CW- 2001 để dò các thiết bị nghe gọi khi các con bạc đến đánh bạc.

Đặng Hoàn N do biết Kiều Xuân Q ở xã K, huyện V có xe ô tô 16 chỗ ngồi BKS: 88B-009.54 đang chạy chở khách thuê nên N đến nhà gặp Q5 nói cho Q5 biết việc N cùng một số người tổ chức đánh bạc tại căn hầm nhà U4 ở Thôn W1, xã G và thuê Q5 vào thời gian từ 14 giờ và 22 giờ hàng ngày lái xe ô tô 16 chỗ ngồi đến vị trí cây xăng Đ3 và quán cafe G5 để đưa đón các con bạc đến nhà U4 đánh bạc, sau đó chờ đến khi đánh bạc xong thì lái xe trả các con bạc đến vị trí ban đầu, mỗi lần đưa đón các con bạc như vậy N sẽ trả cho Q5 số tiền 500.000đ. Q5 đồng ý lái xe chở các con bạc theo sự thỏa T5 nêu trên với N và bắt đầu đưa đón các con bạc từ tối ngày 19/11/2019.

Sau đó, các đối tượng loan truyền việc sẽ tổ chức đánh bạc, vị trí, địa điểm đưa đón các con bạc đến nhà U4 để đánh bạc vào khung thời gian trên cho các con bạc trong và ngoài tỉnh biết để tìm đến đánh bạc. Từ ngày 19/11/2019 đến ngày 20/11/2019, các đối tượng đã 03 lần tổ chức cho các con bạc đánh bạc tại nhà U4, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 22 giờ 30 ngày 19/11/2019, Bùi Văn U4 đang ở nhà thì C4, T11, I và M4 đến nhà U4 để tổ chức đánh bạc. I mang theo một vali bên trong chứa các dụng cụ để đánh bạc. Kiều Xuân Q điều khiển xe ô tô BKS 88B – 009.54 đón N cùng khoảng 12 con bạc ở khu vực cây xăng Đ3 thuộc xã Đ3, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc và quán cafe G5 thuộc Thôn W1, xã G, huyện V đến nhà U4. U4 dẫn tất cả xuống căn hầm phía sau nhà U4 để đánh bạc. Khi vào hầm I đóng cửa và kiểm tra, thu điện T3 của các con bạc. C4 chuẩn bị dụng cụ để đánh bạc bằng hình thức chơi xóc đĩa từ các dụng cụ trong vali I mang theo. Sau khi chuẩn bị xong C4 xóc cái cho các con bạc đánh bạc, còn T11 làm hồ lý. Đánh bạc được khoảng 02 ván, T11 thu tiền của các con bạc đến tham gia đánh bạc được 5.000.000đ, T11 đưa toàn bộ số tiền này cho U4; U4 cầm tiền và đi ra khỏi hầm. Các đối tượng tổ chức cho các con bạc đánh bạc đến khoảng 01 giờ ngày 20/11/2019 thì nghỉ. Sau đó, Q5 điều khiển xe ô tô chở các con bạc trả lại

tại các vị trí ở cây xăng Đ3 và quán café G5.

Tại lần tổ chức đánh bạc này, N mang theo 320.000.000đ (trong đó N góp 220.000.000đ, M4 góp 100.000.000đ); I và M4 mỗi người mang theo 30.000.000đ để cho các con bạc vay, nhưng không có con bạc nào vay. Số tiền thu lợi được từ các con bạc là 5.000.000đ, sau buổi đánh bạc, U4 đã đưa N 500.000đ để trả Q5. N cầm tiền và đã thanh toán đủ cho Q5. Quá trình xóc cái và làm hồ lý, C4 và T11 mỗi người được các con bạc thắng cho 1.000.000đ. Sau khi tổ chức đánh bạc xong, C4 đã đốt bỏ 04 Q5 xóc.

Tại Cơ quan điều tra, U4, N, M4, I, T11 và C4 khai tối 19/11/2019 có khoảng 12 con bạc đến nhà U4 đánh bạc. Các con bạc đều là những người không quen biết, lần đầu các đối tượng gặp, các đối tượng không biết tên, địa chỉ của các con bạc này. Khi đến đánh bạc các con bạc sử dụng khoảng 100.000.000đ để đánh bạc.

Lần thứ hai: Khoảng 14 giờ 30 ngày 20/11/2019, T11, C4, M4 và I đến nhà U4 để chuẩn bị tổ chức đánh bạc. I tiếp tục mang theo chiếc vali bên trong có các dụng cụ đánh bạc; N cầm theo 320.000.000đ từ nhà đi đến vị trí cây xăng Đ3 để đợi Q5 đến đón các con bạc, đến nơi N gặp khoảng 10 người đang đứng đợi, N biết đây là các con bạc đợi để đi đánh bạc. Sau đó Q5 điều khiển xe ô tô đến đón N cùng những người này. N bảo Q5 đến quán café Gia Khánh và đón khoảng 5 người nữa đến nhà U4. Khi đến nhà U4, U4 dẫn tất cả xuống căn hầm phía sau nhà U4 để đánh bạc. I đóng cửa và kiểm tra, thu điện T3 của các con bạc. C4 chuẩn bị dụng cụ để đánh bạc bằng hình thức chơi xóc đĩa, sau đó C4 xóc cái cho các con bạc đánh bạc, còn T11 làm hồ lý. Đánh bạc được khoảng 02 ván, T11 thu tiền của các con bạc tham gia được 6.000.000đ, T11 đưa toàn bộ số tiền này cho U4. Các đối tượng tổ chức cho các con bạc đánh bạc đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì nghỉ. U4 đưa N 500.000đ từ số tiền 6.000.000đ thu lợi được từ các con bạc, để N trả Q5; N cầm tiền và đã đưa lại cho Q5. Sau đó, Q5 điều khiển xe ô tô chở các con bạc trả lại tại các vị trí ở cây xăng Đ3 và quán cafe G5. Tại lần tổ chức đánh bạc này, N mang theo 320.000.000đ (trong đó N góp 220.000.000đ, M4 góp 100.000.000đ), I mang theo 30.000.000đ, M4 mang theo 30.000.000đ để cho các con bạc vay, nhưng chưa cho được ai vay. Quá trình xóc cái và làm hồ lý, C4 và T11 mỗi người được các con bạc thắng cho 1.000.000đ. Sau khi tổ chức đánh bạc xong, C4 đã đốt bỏ 04 Q5 xóc.

Tại Cơ quan điều tra, U4, N, M4, I, T11 và C4 khai, tại buổi đánh bạc chiều 20/11/2019 có khoảng 15 con bạc đến nhà U4 đánh bạc. Các con bạc đều là những người không quen biết, lần đầu các đối tượng gặp và không biết tên, tuổi, địa chỉ của các con bạc này. Khi đến đánh bạc các con bạc sử dụng khoảng 150.000.000đ để đánh bạc.

Lần thứ 3: Sau khi tổ chức đánh bạc 02 lần tại nhà U4, tối 20/11/2019 N một mình từ nhà đi taxi mang theo 320.000.000đ (với mục đích cho các con bạc

vay) đến quán cafe G5 để đón các con bạc đến nhà U4 đánh bạc. Trên đường đi, Lê Xuân P4 do biết thông tin các đối tượng có tổ chức đánh bạc tại nhà U4 nên gọi điện cho N hỏi N có đến nhà U4 không (mục đích hỏi N có đến nhà U4 đánh bạc không), thì N bảo P4 đến quán cafe G5 rồi cùng đến nhà U4, P4 đồng ý. Đến khoảng hơn 22 giờ cùng ngày thì N đến quán cafe G5.

Do biết thông tin các đối tượng tổ chức đánh bạc tại nhà U4 nên: Phùng Văn G6 ở phường H7, thành phố V5 đi taxi một mình; Nguyễn Thị H5 ở xã T12, huyện M1 đi taxi cùng Phùng Thị O4 ở xã T13, thành phố V5; Trần Thị S3, Trần Thị T8 và Đoàn Hữu T6 đều ở phường H7, thành phố V5; Nguyễn Thị T5 ở thị trấn P5, huyện Q4, tỉnh Bắc Ninh đi taxi cùng Nguyễn Thanh H6 ở xã T14, huyện S4, thành phố Hà Nội, Nguyễn Thị P3 ở xã H8, huyện S4, thành phố Hà Nội, Nguyễn Thị N4 T15 ở xã V6, huyện Đ4, thành phố Hà Nội và Lê Văn T16 ở phường B4, thành phố H9, tỉnh Quảng Ninh; Nguyễn Văn R2, Nguyễn Văn M4 và Nguyễn Hải T3 đều ở xã J1, huyện M1, thành phố Hà Nội đi xe ô tô BKS: 88K-5104 do R2 điều khiển; Phạm Thế A5 ở xã T17, huyện M1, thành phố Hà Nội điều khiển xe ô tô BKS: 30X- 9161 chở Đặng Q3 T18 ở xã T19, huyện S4, thành phố Hà Nội, Phương N4 K4 ở phường X4, T20, thành phố Hà Nội, Trần Văn H6 ở xã N5, thành phố P6 và Nguyễn Như Q3, ở phường T21, thành phố P6; Bùi Mạnh T4 ở phường S2, thành phố V4, tỉnh Phú Thọ đi taxi một mình, đến quán cafe G5 để chờ xe ô tô do các đối tượng tổ chức đánh bạc bố trí đón đưa tới địa điểm đánh bạc. Đến khoảng 22 giờ 30 P4t cùng ngày, Kiều Xuân Q điều khiển xe ô tô BKS: 88B- 009.54 đến quán cafe G5, N bảo tất cả những người có mặt tại quán cafe lên xe và Q5 điều khiển xe đưa đến nhà U4.

Trong khi N đi đón các con bạc thì I một mình đi bộ, mang theo 30.000.000đ mục đích cho các con bạc vay và 01 vali chứa dụng cụ để phục vụ đánh bạc gồm: 04 bát sứ màu trắng, 02 chiếc đĩa sứ màu xanh, 02 con dao phay có chuôi gỗ, 01 chiếc bình gas mini ở phần đầu có gắn khò, 01 thanh tre và 01 máy dò kim loại và thiết bị điện tử; C4 đi xe mô tô BKS 88L1- 531.05, T11 đi xe mô tô BKS 88L1- 180.78 đến nhà U4 để tổ chức đánh bạc. M4 mang theo 30.000.000đ để cho các con bạc vay và đi taxi cùng Nguyễn Văn C1 ở xã Y1, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc đến nhà U4.

Ngoài các con bạc được N đón tại các điểm tập kết đến nhà U4, còn có một số con bạc tự tìm đến nhà U4 gồm: Nguyễn Đình G4 ở xã T22, huyện B5 đi taxi cùng Chương Thị Thanh H10 ở thị trấn S5, huyện S5, tỉnh Tuyên Q3 và Vũ Thị H11 ở xã O2, huyện D1; Nguyễn Thái I1 ở phường L1, quận K1, thành phố Hải Phòng đi xe ô tô BKS: 15A- 328.51; Nguyễn Thị M3 ở xã L5, huyện V đi xe ô tô BKS: 88A- 148.93; Nguyễn Văn G2 ở xã O2, huyện D1 đi xe ô tô BKS: 88A- 143.06 chở Bùi Công N4 ở xã D2, huyện D1; Giang Văn T10 ở xã G, huyện V đi xe mô tô BKS: 88K1- 370.01; Hoàng N4 C5 ở phường D3, quận E1, thành phố Hải Phòng đi taxi cùng Phạm Thị P7 ở thị trấn L, huyện L; Nguyễn Văn Đ2 ở xã



B6, huyện L đi taxi cùng Nguyễn Văn Q2 ở thị trấn L, huyện L và Phạm Hồng K2 ở xã T2, huyện V2, thành phố Hải Phòng đến nhà U4; Vũ Văn A4 ở thị trấn H1, huyện V gọi điện rủ Lê Văn T1 ở cùng thị trấn đi đánh bạc, T1 đồng ý, sau đó A4 và T1 đi taxi đến nhà U4. Đàm Q3 T9 ở xã Đ5, huyện L; Dương Văn Z, Phạm Văn D4 đều ở thị trấn L, huyện L; Lê Xuân P4 ở xã V7, huyện V, Đoàn Hải L3 ở xã V3, thị xã O3; Nguyễn Văn T7 ở xã Đ6, huyện D1 và Nguyễn Thị L6 ở phường A6, thị xã O3 đều đi taxi một mình đến nhà U4.

Sau khi đến nhà U4, tất cả được U4 đưa xuống căn hầm trong khuôn viên của gia đình U4. Khi mọi người vào hầm, I đóng cửa hầm lại không cho ai ra vào. Lúc này ở trong căn hầm có bà Phan Thị T23 ở xã N6, huyện V là người được U4 thuê quét dọn nhà cửa, vườn và căn hầm nhà U4. Bà T23 đang quét dọn căn hầm thì thấy các con bạc kéo xuống với số lượng đông, Bà T23 đi ra ngoài nhưng do cửa ra vào đã bị khoá nên không ra được.

Sau đó, I sử dụng máy dò kim loại kiểm tra thiết bị nghe gọi và thu điện T3 một số đối tượng I cảm thấy không yên tâm rồi cắt điện T3 vào tủ đồ trong hầm. C4 lấy 01 thanh tre, 01 con dao phay và 01 bình gas mini có gắn đầu khò từ trong chiếc vali I đem theo, sau đó dùng thiết bị khò làm đen một mặt thanh tre, rồi dùng dao phay cắt thanh tre làm 04 Q5 xóc hình chữ nhật (một mặt màu đen và một mặt màu vàng) có kích thước và đặc điểm giống nhau. Sau khi cắt Q5 xóc xong, C4 cắt dao, bình gas có gắn đầu khò vào bên trong chiếc vali rồi lấy 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ từ vali ra và ngồi vào vị trí ở đầu chiếc thảm nỉ màu đỏ đã được trải sẵn dọc theo căn phòng phía gần cầu thang từ cửa hầm đi xuống để xóc cái. Sau khi C4 ngồi vào vị trí thì Đàm Q3 T9, Nguyễn Thái I1, Phạm Hồng K2, Nguyễn Đình G4, Đoàn Hữu T6, Dương Văn Z, Lê Xuân P4, Lê Văn T1, Nguyễn Thị P3, Nguyễn Thị M3, Nguyễn Thị T5, Phương N4 K4, Vũ Văn A4, Nguyễn Thị H5, Nguyễn Thanh H6, Trần Thị T8, Bùi M4 T4, Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Văn R2, Nguyễn Văn C1, Trần Văn H6, Đoàn Hải L3, Nguyễn Văn M4, Bùi Công N4, Nguyễn Văn G2, Nguyễn Văn T7, Nguyễn Như Q3, Nguyễn Văn Q2, Trần Thị S3, Giang Văn T10, Nguyễn Hải T3 tham gia đánh bạc bằng hình thức chơi xóc đĩa. Một số con bạc lấy giỏ nhựa để đựng tiền và lấy ghế ngồi thành hai dãy dọc theo chiều dài của chiếc thảm nỉ, một số con bạc đứng để đánh bạc. Sau khi các con bạc ổn định vị trí thì Giang Văn T11 đứng vào bên trong chiếc thảm nỉ để làm hò lý, C4 bắt đầu xóc cái để cho các con bạc sát phạt nhau.

Hình thức chơi xóc đĩa ăn tiền và tỷ lệ ăn thua được các đối tượng thông nhất như sau: Dụng cụ chơi xóc đĩa gồm 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ, 04 Q5 xóc bằng tre hình chữ nhật có một mặt màu vàng và một mặt màu đen. Người xóc cái là C4 sẽ đặt 04 Q5 xóc lên đĩa, úp bát lên rồi xóc liên tục để đảo lộn các mặt Q5 sau đó đặt bát, đĩa xuống để những người tham gia đánh bạc đặt tiền cược xuống chiếu chọn cửa chắn hoặc cửa lẻ (cửa chắn ở dãy bên phải và cửa lẻ ở dãy bên trái người xóc cái). Sau khi người chơi đặt tiền cược xong thì T11 có

nhiệm vụ quản lý tiền cược của các con bạc để dưới thăm, kiểm tra lượng tiền đặt cược của bên chẵn và bên lẻ, nếu hai bên lượng tiền đặt cược không bằng nhau thì T11 hô để các con bạc tiếp tục đặt tiền vào bên ít hơn cho cân bằng, T11 hợp không ai đặt thêm tiền để cân bằng hai bên thì Triển sẽ là người đứng ra nhận đặt cược vào bên ít tiền hơn để hai bên cân bằng tiền nhau (thường gọi là ăn đuôi). Sau khi số tiền bên chẵn và bên lẻ cân bằng nhau thì C4 mở bát ra, nếu trên đĩa có mặt của 04 Q5 hoặc mặt của 02 Q5 cùng màu thì người đặt cược cửa chẵn thắng, nếu mặt của 3 Q5 cùng màu thì người đặt cửa lẻ thắng. Lúc này, T11 có nhiệm vụ thu tiền của người thua trả cho người thắng tương ứng với mức tiền mà họ đã đặt cược. Khi tham gia đánh bạc các con bạc thống nhất mức cược thấp nhất của mỗi lần đặt là 100.000đ/người, còn ai muốn đặt cao hơn thì phụ thuộc vào việc thỏa T5 giữa các con bạc với nhau ở hai cửa chẵn và lẻ.

Các con bạc đánh bạc được khoảng 10 phút thì T11 thu mỗi đối tượng tham gia đánh bạc 700.000đ. Các đối tượng nộp tiền cho T11 gồm: I1, Hồng K2, G4, Đoàn Hữu T6, Dương Văn Z, P4, Lê Văn T1, T5, N4 K4, A4, Bùi Mạnh T4, R2, Trần Văn H6, L3, M4, N4, Nguyễn Văn G2, Nguyễn Văn T7, Q3, Q2 và T3. Tổng số tiền hồ thu được là 14.700.000đ. T11 đưa toàn bộ số tiền này cho U4, U4 cầm tiền rồi đi ra ngồi trước cửa nhà U4 để canh giới. Khi U4 đang ngồi ở đây thì có anh Chu Văn C6 và Chu Mạnh N4, đều trú tại xã G, huyện V đến chơi ngồi nói chuyện, uống nước cùng U4.

Quá trình các đối tượng đánh bạc, N cho A4 vay 50.000.000đ, I cho G4 vay 30.000.000đ và M4 cho C1 vay 30.000.000đ với lãi suất cứ vay 1.000.000đ thì lấy lãi 50.000đ/1 ngày. I và M4 đã thu luôn số tiền lãi là 1.500.000đ nên thực tế G4 và C1 mỗi người chỉ được nhận số tiền là 28.500.000đ còn N chưa thu tiền lãi của A4, các đối tượng trên đều sử dụng toàn bộ số tiền vay được vào việc đánh bạc.

Ngoài hình thức đánh bạc nêu trên thì quá trình đánh bạc Giang Văn T10 cầm 01 mảnh bạc trên bề mặt có in 04 ô hình tròn có ghi các chữ 03 đen, 03 trắng, 04 đen, 04 trắng (gọi là bảng vị) trải ra trước mặt để đánh bảng vị nhưng chưa có ai đặt tiền chơi.

Một số đối tượng Đặng Q3 T18, Phạm Thế A5, Phùng Thị O4, Phạm Văn D4, Phạm Thị P7, Phan Thị T23, Vũ Thị H11, Chương Thị Thanh H10, Lê Văn T16, Nguyễn Thị L6, Nguyễn Thị N4 T15, Hoàng N4 C5 và Phùng Văn G6 có mặt tại hầm nhà U4 nhưng không tham gia đánh bạc.

Đến khoảng 23 giờ 40 phút cùng ngày, Công an huyện V phát hiện và bắt quả tang 37 đối tượng đang có hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc tại nhà Bùi Văn U4. Kiều Xuân Q ngồi trên xe ô tô 16 chỗ BKS: 88B-009.54 đỗ bên trong nhà U4 đợi các con bạc đánh bạc xong thì đưa về vị trí ban đầu nhưng khi thấy Công an bắt quả tang đã bỏ chạy thoát.

Tang vật thu giữ gồm:

- Thu giữ tại chiều bạc: Số tiền 514.000.000đ, 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ, 04 Q5 xóc bằng tre hình chữ nhật (có một mặt màu đen, một mặt màu vàng), 26 chiếc ghế nhựa màu xanh - trắng; 13 chiếc ghế nhựa màu đỏ - trắng, 03 chiếc ghế nhựa màu xanh lá cây - trắng, 13 chiếc ghế nhựa màu đỏ, 02 chiếc ghế tựa lưng màu vàng - bạc, 01 chiếc ghế tựa lưng màu xanh, 09 chiếc giỏ nhựa màu xanh, 01 chiếc giỏ nhựa màu hồng. 02 mảnh bạt đều có kích thước 50cm x 50cm, trên 02 mảnh bạt này đều được chia làm bốn ô, mỗi ô đều có 04 hình tròn và có ghi các chữ số là “3 đen”, “3 trắng”, “4 đen”, “4 trắng”; 01 chiếc thảm nỉ màu đỏ, 01 chiếc vali màu đen bị hỏng khóa, bên trong có: 03 chiếc bát sứ màu trắng, 01 chiếc đĩa sứ màu xanh, 02 con dao phay có chuôi gỗ, 01 chiếc bình gas mini ở phần đầu có gắn khò.

+ Thu giữ 20 chiếc túi xách, ba lô, ví có đặc điểm cụ thể như sau: 01 chiếc túi ba lô nữ giả da màu nâu đỏ, kiểm tra bên trong có 01 chứng M4 nhân dân mang tên Vũ Thị H11, 01 chiếc điện T3 SamSung Galaxy S10+, IMEI: R58M34R1XTA và 01 chiếc điện T3 Apple Iphone XI Promax, có số IMEI: 353904103064552 của Vũ Thị H11; 01 chiếc túi xách giả da màu đen bên trong túi có 01 chiếc điện T3 di động nhãn hiệu Apple Iphone 7, màu đen, có số IMEI: 356569080719267 của Trần Thị T8; 01 chiếc túi cầm tay, giả da màu đen, bên trong túi không có đồ vật, tài sản gì của Dương Văn Z; 01 chiếc ví cầm tay màu đen, bên trong có 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Phương N4 K4 của Phương N4 K4; 01 chiếc ví cầm tay giả da màu nâu, bên trong có 01 căn cước công dân mang tên Lê Văn T1 và 01 chiếc điện T3 Apple Iphone X, màu vàng, có số IMEI: 357222092529428 của T1; 01 chiếc ví giả da màu nâu, bên trong có 01 căn cước công dân mang tên Phạm Hồng K2 của Phạm Hồng K2; 01 chiếc túi xách giả da màu nâu đỏ, bên trong có 01 chiếc điện T3 di động nhãn hiệu Apple Iphone 6 plus màu bạc, có số IMEI: 354385066623361 và 01 căn cước công dân mang tên Chương Thị Thanh H10 của Hương; 01 chiếc túi giả da màu đen, có quai đeo bằng kim loại, bên trong có 01 chiếc điện T3 Nokia 230, có số IMEI: 356935094562375 của Nguyễn Thị L6; 01 chiếc túi giả da màu nâu, bên trong túi không có đồ vật, tài sản gì của Nguyễn Đình G4; 01 chiếc túi giả da màu đen, có quai đeo, bên trong túi không có đồ vật, tài sản gì của Nguyễn Thị M3; 01 chiếc túi giả da màu đen, bên trong không có đồ vật, tài sản gì của Phạm Thị P7; 01 chiếc ví giả da màu đen, có dòng dọc đỏ kẻ trắng, bên trong không có đồ vật, tài sản gì của Hoàng N4 C5; 01 chiếc ví giả da màu đen, bên trong có 01 chứng M4 nhân dân mang tên Nguyễn Văn M4 của Nguyễn Văn M4; 01 chiếc túi giả da kẻ caro màu xám, có quai đeo, bên trong có số tiền là 110.000.000đ, chưa xác định được túi này của ai; 01 chiếc túi giả da, màu xám đen, loại túi N, bên trong túi không có đồ vật, tài sản gì, chưa xác định được túi này của ai; 01 chiếc túi đeo chéo màu nâu bên trong túi không có đồ vật, tài sản gì, chưa xác định được túi này của ai; 01 chiếc túi giả da, màu đen cầm tay, bên trong túi không có đồ vật, tài

sản gì, chưa xác định được túi này của ai; 01 chiếc túi đeo giả da, màu đen, có cúc bấm, bên trong túi không có đồ vật, tài sản gì, chưa xác định được túi này của ai; 01 chiếc ví giả da, màu đen, bên trong túi không có đồ vật, tài sản gì, chưa xác định được túi này của ai; 01 chiếc túi đeo, màu đen có dây xích bằng kim loại, bên trong túi có 01 chiếc điện T3 Apple Iphone 5S màu trắng vàng, có số IMEI: 352003065230870, chưa xác định được túi và điện T3 này của ai.

+ 23 chiếc điện T3 di động có đặc điểm: 01 chiếc điện T3 Nokia 105, màu đen, có số IMEI: 352880108769471 của Phạm Hồng K2; 01 chiếc điện T3 OPPO, màu tím than của Nguyễn Như Q3; 01 chiếc điện T3 Iphone XI Pro Max, màu xám, có số IMEI: 353924101959934 của Nguyễn Văn G2; 01 chiếc điện T3 SamSung, màu đen, có số IMEI: 358780/10/320033/8 của Nguyễn Thị M3; 01 chiếc điện T3 OPPO, màu xanh - đen, có số IMEI: 860163640605839 của Lê Xuân P4; 01 chiếc điện T3 Iphone X màu trắng, bị vỡ màn hình trước và bị vỡ kính phía sau, có số IMEI: 356722087346069 của Phùng Văn G6; 01 chiếc điện T3 Iphone 6 plus, màu bạc, có số IMEI: 354441063870644 của Nguyễn Văn G2; 01 chiếc điện T3 Iphone XI Pro Max, màu xanh, có số IMEI: 353962101256257, 01 chiếc điện T3 Iphone XS màu vàng, bị vỡ mặt kính phía trước, có số IMEI: 357283091643099 và 01 chiếc điện T3 Nokia 3310 màu vàng, có số IMEI 1: 358573089089696, IMEI 2: 358572086519697 của Đặng Hoàn N; 01 chiếc điện T3 Iphone XS Max màu vàng, có số IMEI: 357328092390594 bị vỡ mặt kính phía sau của Dương Văn Z; 01 chiếc điện T3 OPPO màu xanh – đen - tím, bên ngoài vỏ phía sau ghi chữ DESIGNED BY OPPO của Nguyễn Thị H5; 01 chiếc điện T3 Iphone 7 plus màu vàng, model A1784FCCID: BCG - E3092A IC: 579C-E3092A của Nguyễn Văn Đ2; 01 chiếc điện T3 Iphone X màu trắng, bị vỡ mặt kính phía sau, có số IMEI: 359410087717979 của Đàm Q3 T9; 01 chiếc điện T3 Iphone XS màu vàng, có số IMEI: 357286092571573 của Giang Văn T10; 01 chiếc điện T3 Nokia 1280 màu đen, có số IMEI: 352431059726852 của Đoàn Hải L3; 01 chiếc điện T3 Nokia 1280 màu xanh, có số IMEI: 357002045562043 và 01 chiếc điện T3 Nokia 210, màu đen, có số IMEI1: 352879101427152, số IMEI2: 352879101927151 của Phan Thị T23; 01 chiếc điện T3 Nokia 105 màu đen, có số IMEI: 358991093111126 của Phạm Thị P7; 01 chiếc điện T3 Iphone 8 plus màu vàng, có số IMEI: 352978096889788 của Phùng Thị O4; 01 chiếc điện T3 di động Iphone 7, màu vàng, model: A1660FCCID: BCG-E3085A IC: 579C-E3085A, đã bị vỡ màn hình phía trước của Hoàng N4 C5; 01 chiếc điện T3 di động Iphone 6 Plus, Model: A1687FCCJD:BLG-E2944AIC-579C- E2944A của Giang Văn T11; 01 chiếc điện T3 Iphone 7 plus màu vàng, có số IMEI: 579CE3092A của Phạm Thế A5.

- Thu giữ tại khe ộp tre tiếp giáp góc tường phía trong bên trái từ hướng cửa đi vào: 01 chiếc điện T3 di động Iphone XI Pro Max màu vàng gold, có số IMEI: 353947105674647 và số tiền 7.000.000đ.

- Thu giữ bên trong khay đựng nước thải của máy điều hòa cây để tại góc tường phía trong bên phải theo hướng cầu thang đi xuống, số tiền: 35.000.000đ.

- Kiểm tra thu giữ trên người các đối tượng những đồ vật, tài sản cụ thể như sau: Bùi Mạnh T4 số tiền 3.000.000đ, Đặng Hoàn N số tiền 1.500.000đ, Dương Văn Z số tiền 23.900.000đ, Đoàn Hữu T6 số tiền 2.500.000đ; Vũ Văn A4 số tiền 12.000.000đ, 01 điện T3 Iphone XS Max màu vàng, có số IMEI: 357271099855450 và 01 điện T3 Nokia 105, có số IMEI: 352898104060729; Nguyễn Văn Q2 số tiền 9.000.000đ, Lê Văn C4 01 điện T3 di động Iphone 8 plus, có số IMEI: 354836095196340; Bùi Công N4 01 điện T3 Nokia 106, có số IMEI 1: 354194109633738, IMEI 2: 354199100633736 và số tiền 200.000đ; Hoàng N4 C5 số tiền 1.700.000đ, Nguyễn Văn M4 số tiền 2.300.000đ; Phạm Thị P7 số tiền 800.000đ và 01 điện T3 Iphone 6S màu hồng, có số IMEI: 359155076534543; Phạm Hồng K2 01 điện T3 Iphone 8 Plus, có số IMEI: 354834095522193, 01 điện T3 di động Nokia 1034 màu đen, IMEI: 352880108769471; Nguyễn Văn C1 số tiền 3.200.000đ và 01 điện T3 Iphone 6S Plus, có số IMEI: 353331075774515; Bùi Văn U4 số tiền 8.600.000đ; Phạm Văn D4 số tiền 900.000đ và 01 điện T3 Nokia 105, có số IMEI: 357698106741762; Nguyễn Văn R2 số tiền 5.000.000đ, Nguyễn Hải T3 số tiền 5.000.000đ, Lê Văn M4 số tiền 500.000đ và 01 điện T3 Iphone 6S, có số IMEI: 353262074798728; Nguyễn Thái I1 01 điện T3 Iphone XS Max, màu vàng, có số IMEI: 357269099608051; Phương N4 K4 số tiền 200.000đ, Nguyễn Văn G2 số tiền 1.000.000đ, Nguyễn Thị L6 số tiền 1.000.000đ và Nguyễn Thị T5 số tiền 500.000đ.

- Thu tại tủ để đồ ở lối cửa ra vào nơi các đối tượng đánh bạc:

+ Thu giữ 11 chiếc điện T3 di động gồm: 01 chiếc điện T3 OPPO A33 màu đen, có số IMEI: 861485031638670 của Bùi M4 T4; 01 chiếc điện T3 Iphone 6 màu ghi, có số IMEI: 352075069860563 và 01 chiếc điện T3 Iphone 6 plus màu ghi, có số IMEI: 352062060656828 của Nguyễn Văn R2; 01 chiếc điện T3 SamSung Note màu đen xanh, có số IMEI: 359447099841116 của Nguyễn Văn M4; 01 chiếc điện T3 Iphone 6S màu hồng, có số IMEI: 355415079959699 của Nguyễn Thanh H6; 01 chiếc điện T3 SamSung màu bạc, có số IMEI 1: 352810096469149, IMEI 2: 352810096469147 của Đặng Q3 T18; 01 chiếc điện T3 SamSung, có số IMEI: 356472/09/0380016 của Nguyễn Hải T3; 01 chiếc điện T3 Nokia 230, màu xanh, có số IMEI: 359008096006200 của Trần Văn H6; 01 chiếc điện T3 Nokia 1280 màu xanh, có số IMEI: 355498058837680 của Nguyễn Văn Q2; 01 chiếc điện T3 Master, màu đen bạc, có số IMEI: 358460086612920 của Phương N4 K4; 01 chiếc điện T3 Master màu xanh đen, có số IMEI: 301014178199318 của Trần Thị S3. Ngoài ra còn thu giữ 01 vật màu đen có chữ “FISHEK” CW- 20.

- Kiểm tra thu giữ tại vị trí sân gần khu vực cổng ra vào căn hầm nơi các

đối tượng đánh bạc 05 chiếc xe mô tô có đặc điểm: 01 chiếc xe mô tô Honda, loại xe Airblade màu đen, BKS: 88L1 - 180.78, số khung: 1803AY109455; Số máy: JF27E0111648 do Giang Văn T11 đi đến; 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại xe Airblade màu đỏ - đen, không gắn Biển kiểm soát, số khung: 18008Y761802, số máy: JF18E5368778 do Chu M4 N4 đi đến; 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại xe SH màu đen, BKS: 88K1- 370.01, số khung: RLHKF2513KY005668, số máy: KF26E0087745 do Giang Văn T10 đi đến; 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu đen trắng, BKS: 88L1- 531.05, số khung: RLHHC1254FY070183, số máy: HC12E7070272 do Lê Văn C4 đi đến; 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại xe Click, màu đỏ - đen, BKS: 88S2- 0361, số máy: HC09E5268085, số khung: RLHHC09057Y168029 chưa xác định được của ai.

- Tạm giữ 06 xe ô tô cụ thể: 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford transit loại xe 16 chỗ, màu bạc, BKS: 88B - 009.54 tại nhà ở của Bùi Văn U4; 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, loại xe i10, BKS: 88A- 148.93; 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia, loại xe Cerato màu sơn đen, BKS: 15A- 328.51 và 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia, loại xe morning, màu trắng, BKS: 88A- 143.06 tại trục đường làng Thôn W1, xã G, Vĩnh Tường; 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia, loại xe Rio, màu sơn đen, BKS: 30X- 9161 và 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, loại xe Getz, màu sơn bạc, BKS: 88K- 5104 gắn mác taxi I1 Hưng tại trục đường Quốc lộ 2A gần ngã tư xã G thuộc Thôn W1, xã G, huyện V..

Quá trình điều tra Kiều Xuân Q tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 1.000.000đ, là tiền Q5 được N trả cho 02 lần chở con bạc đến nhà U4 đánh bạc tối 19/11/2019 và chiều 20/11/2019.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các đối tượng khai nhận số tiền của bản thân mang đi sử dụng vào việc tổ chức đánh bạc và đánh bạc cụ thể như sau:

Đặng Hoàn N khi đến nhà U4 mang theo 320.000.000đ để cho các con bạc vay khi đến nhà U4, N được Nguyễn Văn T7 trả 22.000.000đ do Tuấn vay từ trước, sau khi được Tuấn trả tiền N sử dụng cả số tiền 22.000.000đ để cho các con bạc vay. Như vậy, tổng số tiền N sử dụng để cho các con bạc vay là 342.000.000đ (trong đó N chỉ có 242.000.000đ còn 100.000.000đ là tiền của M4). Quá trình tổ chức đánh bạc N đã cho Vũ Văn A4 vay 50.000.000đ để A4 đánh bạc, còn lại 292.000.000đ. Khi bị bắt N để lại trên người 1.500.000đ, số tiền 290.500.000đ, N để tại chiếu bạc.

Lê Văn M4 mang theo 30.000.000đ để cho các con bạc vay, ngoài ra trước đó M4 còn góp cho N 100.000.000đ. Quá trình tổ chức đánh bạc, M4 đã cho Nguyễn Văn C1 vay 30.000.000đ và thu luôn tiền lãi 1.500.000đ nên số tiền M4 đưa C1 là 28.500.000đ. Khi bị bắt M4 để lại số tiền 1.000.000đ tại chiếu bạc, còn lại 500.000đ để trên người.

Nguyễn Văn I mang 30.000.000đ để cho các con bạc vay. Quá trình tổ chức đánh bạc, I đã cho Nguyễn Đình G4 vay 30.000.000đ và thu luôn tiền lãi 1.500.000đ nên số tiền G4 được nhận là 28.500.000đ. Khi bị bắt I bỏ số tiền 1.500.000đ xuống chiếu bạc. Vũ Văn A4 mang theo 4.000.000đ để đánh bạc, khi đánh bạc bị thua hết A4 vay của N số tiền 50.000.000đ để đánh bạc. Như vậy tổng số tiền A4 sử dụng để đánh bạc là 54.000.000đ.

Nguyễn Văn C1 khi đi không mang theo tiền, khi đánh bạc, C1 vay của Lê Văn M4 số tiền 30.000.000đ để đánh bạc, M4 cắt lãi 1.500.000đ và đưa cho C1 số tiền 28.500.000đ; C1 sử dụng toàn bộ số tiền 28.500.000đ để đánh bạc. Nguyễn Đình G4 khi đi không mang theo tiền. Khi đánh bạc, G4 vay của Nguyễn Văn I số tiền 30.000.000đ, I cắt lãi 1.500.000đ và đưa G4 số tiền 28.500.000đ. G4 sử dụng toàn bộ số tiền 28.500.000đ để đánh bạc.

Lê Văn T1 sử dụng 12.000.000đ, Nguyễn Văn Q2 sử dụng 9.800.000đ, Phạm Hồng K2 sử dụng 8.000.000đ, Nguyễn Văn G2 sử dụng 7.000.000đ, Nguyễn Văn R2 sử dụng 6.000.000đ, Nguyễn Hải T3 sử dụng 5.000.000đ, Nguyễn Như Q3 sử dụng 4.800.000đ, Nguyễn Văn M4 sử dụng 4.000.000đ, Phương N4 K4 sử dụng 4.000.000đ, Lê Xuân P4 sử dụng 3.700.000đ, Bùi Công N4 sử dụng 3.500.000đ, Đoàn Hữu T6 sử dụng 3.200.000đ, Nguyễn Thái I1 sử dụng 3.000.000đ, Nguyễn Thị T5 sử dụng 2.500.000đ, Nguyễn Văn Đ2 sử dụng 2.400.000đ, Trần Văn H6 sử dụng 1.300.000đ, Nguyễn Thị M3 sử dụng 800.000đ, Giang Văn T10 sử dụng 700.000đ, Nguyễn Thị P3 sử dụng 700.000đ, Nguyễn Thị H5 sử dụng 300.000đ, Nguyễn Thanh H6 sử dụng 300.000đ, Trần Thị T8 sử dụng 100.000đ và Trần Thị S3 sử dụng 100.000đ để đánh bạc.

Nguyễn Văn T7 khi đến nhà U4 mang theo 23.000.000đ, Tuần trả cho Nguyễn Hoàn N 22.000.000đ nợ từ trước. Còn lại số tiền 1.000.000đ, Tuần sử dụng để đánh bạc. Đoàn Hải L3 khi đi mang theo số tiền 6.000.000đ, L3 trả cho Bùi M4 T4 1.000.000đ nợ từ trước. Số tiền 5.000.000đ còn lại L3 sử dụng để đánh bạc. Bùi M4 T4 khi đi mang theo 3.000.000đ, được Đoàn Hải L3 trả nợ 1.000.000đ, tổng số tiền Tuần có là 4.000.000đ. Tuần sử dụng toàn bộ số tiền 4.000.000đ để đánh bạc, Dương Văn Z khai khi đánh bạc mang theo số tiền 24.000.000đ sử dụng đánh bạc.

Đàm Q3 T9 khai khi đánh bạc không mang theo tiền mà có ý định sau khi đánh bạc với vai trò ăn đuôi nếu thua thì sẽ vay tiền của N để trả. Quá trình đánh bạc Triển thắng một ván thu được số tiền 3.000.000đ. Bùi Văn U4 thu lợi từ việc tổ chức cho các con bạc đánh bạc được tổng tiền là 14.700.000đ. Quá trình bị bắt U4 đánh rơi mất 6.100.000đ, còn lại thu trên người U4 8.600.000đ.

Như vậy, tổng số tiền các bị cáo khai nhận mang đi sử dụng vào việc tổ chức đánh bạc và đánh bạc là 521.200.000đ.

Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định toàn bộ số tiền 514.000.000đ Cơ

quan điều tra thu giữ tại chiếu bạc; số tiền 110.000.000đ thu giữ tại túi giả da kẻ caro màu xám có quai đeo để tại chiếu bạc; số tiền 7.000.000đ thu giữ tại khe ốp tre tiếp G4 góc tường phía trong bên trái của căn hầm từ hướng cửa đi vào; số tiền 35.000.000đ thu giữ bên trong khay đựng nước thải của máy điều hoà cây để tại góc tường phía trong bên phải của căn hầm theo hướng cầu thang đi xuống; số tiền T11 thu được của các con bạc là 14.700.000đ đã đưa cho U4 và số tiền 69.800.000đ thu trên người các bị cáo Bùi M4 T4, Đoàn Hữu T6, Vũ Văn A4, Nguyễn Văn Q2, Bùi Công N4, Dương Văn Z, Nguyễn Văn M4, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn R2, Nguyễn Hải T3, Phương N4 K4, Nguyễn Văn G2, Nguyễn Thị T5, Đặng Hoàn N và Lê Văn M4, tổng cộng là 750.500.000đ đều là tiền các bị cáo sử dụng để tổ chức đánh bạc và đánh bạc.

Toàn bộ số tiền N, M4 và I mang đi đều với mục đích cho các con bạc vay để đánh bạc. Quá trình đánh bạc A4, C1, G4 đã vay tiền của N, M4 và I để đánh bạc. Ngoài A4, C1, G4 còn có các con bạc khác khi đánh bạc hết tiền cũng sẽ vay tiền của N, M4, I để tiếp tục đánh bạc, nên các con bạc phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đánh bạc đối với toàn bộ số tiền N, M4, I mang đến sỏi bạc cho vay. Do vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền đánh bạc là 750.500.000đ (trong đó số tiền N, M4, I chưa cho vay là 295.000.000đ).

Ngoài ra quá trình điều tra Kiều Xuân Q đã giao nộp số tiền 1.000.000đ mà Q5 được N trả khi chở các con bạc đến đánh bạc vào tối 19/11/2019 và chiều 20/11/2019. Đối với số tiền 11.000.000 mà Bùi Văn U4 thu được vào tối 19/11/2019 và chiều 20/11/2019 và đã chi tiêu cá nhân hết (trong đó đưa cho N 1.000.000đ trả cho Q5), ngày 08/6/2020 bà Bùi Thị Dung vợ bị cáo U4 đã tự nguyện đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện V nộp số tiền 11.200.000đ để đảm bảo thi hành án.

Với hành vi phạm tội nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 47/2020/HSST ngày 22/7/2020, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Đặng Hoàn N (tên gọi khác Đ, Nguyễn Văn I và Kiều Xuân Q phạm tội "Tổ chức đánh bạc".

Tuyên bố các bị cáo Dương Văn Z, Lê Văn T1, Nguyễn Thái I1, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn Q2, Phạm Hồng K2, Nguyễn Văn G2, Nguyễn Văn R2, Nguyễn Hải T3, Đoàn Hải L3, Bùi M4 T4 phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng điểm a, b, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17 và 58 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Đặng Hoàn N 02 năm 08 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2019 đến ngày 19/5/2020.



- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn I 02 năm 04 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2019 đến ngày 23/4/2020.

- Xử phạt bị cáo Kiều Xuân Q 01 năm 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Áp dụng khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C1 03 năm 08 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/11/2019 đến ngày 30/11/2019.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G2 03 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/11/2019 đến ngày 30/11/2019.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn R2 03 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/11/2019 đến ngày 30/11/2019.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải T3 03 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/11/2019 đến ngày 30/11/2019.

Áp dụng khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Dương Văn Z, Lê Văn T1, Nguyễn Thái I1, Nguyễn Văn Q2, Phạm Hồng K2, Đoàn Hải L3 và Bùi M4 T4.

- Xử phạt bị cáo Dương Văn Z 03 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2019 đến ngày 22/5/2020.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T1 03 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2019 đến ngày 23/4/2020.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thái I1 03 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2019 đến ngày 19/5/2020.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q2 03 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/11/2019 đến ngày 30/11/2019.

- Xử phạt bị cáo Phạm Hồng K2 03 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 21/11/2019.

- Xử phạt bị cáo Đoàn Hải L3 03 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/11/2019 đến ngày 30/11/2019.

- Xử phạt bị cáo Bùi Mạnh T4 03 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/11/2019 đến ngày 30/11/2019.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo khác, phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo đối với các bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 30/7/2020 bị cáo Nguyễn Văn R2 và Nguyễn Hải T3 kháng cáo xin được hưởng án treo; ngày 31/7/2020 các bị cáo Nguyễn Thái I1, Nguyễn Văn G2, Lê Văn T1, Nguyễn Văn Q2 Đoàn Hải L3 kháng cáo xin hưởng án treo, Dương Văn Z kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo; ngày 01/8/2020 các bị cáo Nguyễn Văn I, Bùi Mạnh T4, Nguyễn Văn C1 và Đặng Hoàn N kháng cáo xin hưởng án treo; ngày 03/8/2020 bị cáo Phạm Hồng K2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo; ngày 05/8/2020 bị cáo Kiều Xuân Q kháng cáo xin hưởng án treo. Tại phiên tòa Phúc thẩm các bị cáo Đặng Hoàn N, Nguyễn Văn I, Lê Văn T1, Nguyễn Thái I1, Nguyễn Văn G2, Nguyễn Văn R2 sửa đổi đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo, các bị cáo còn lại giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm, phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Đặng Hoàn N, Nguyễn Văn I, Dương Văn Z, Lê Văn T1 và Nguyễn Văn C1; chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thái I1; Nguyễn Văn R2, Nguyễn Hải T3, Nguyễn Văn G2, Nguyễn Văn Q2, Đoàn Hải L3, Bùi M4 T4, Phạm Hồng K2 và Kiều Xuân Q. Sửa bản án sơ thẩm số: 47/2020/HSST ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc theo hướng: Giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Đặng Hoàn N, Nguyễn Văn I, Dương Văn Z, Lê Văn T1 và Nguyễn Văn C1; giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo đối với bị cáo Nguyễn Văn R2 và Nguyễn Văn G2; giữ nguyên hình phạt nhưng cho các bị cáo Nguyễn Hải T3, Nguyễn Văn Q2, Đoàn Hải L3, Bùi Mạnh T4, Phạm Hồng K2 và Kiều Xuân Q được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của các bị cáo Đặng Hoàn N, Nguyễn Văn I, Kiều Xuân Q, Dương Văn Z, Lê Văn T1, Nguyễn Thái I1, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn Q2, Phạm Hồng K2, Nguyễn Văn G2, Nguyễn Văn R2, Nguyễn Hải T3, Đoàn Hải L3, Bùi Mạnh T4 làm trong hạn luật định, hợp lệ được xem xét giải quyết.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa Phúc thẩm các bị cáo Đặng Hoàn N, Nguyễn Văn I, Kiều Xuân Q, Dương Văn Z, Lê Văn T1, Nguyễn Thái I1, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn Q2, Phạm Hồng K2, Nguyễn Văn G2, Nguyễn Văn R2, Nguyễn Hải T3, Đoàn Hải L3, Bùi Mạnh T4 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, có đủ căn cứ để xác định như sau: Ngày 16/11/2019, các bị cáo Bùi Văn U4, Đặng Hoàn N, Lê Văn M4, Nguyễn Văn I, Giang Văn T11 và Lê Văn C4 cùng nhau bàn bạc, thống nhất tổ chức cho các con bạc đánh bạc trái phép tại căn hầm nhà U4 ở Thôn W1, xã G, huyện V. Các bị cáo đều thống nhất thuê Kiều Xuân Q sử dụng xe ô tô 16 chỗ, biển kiểm soát 88B - 009.54 để chở các con bạc đến nhà U4 đánh bạc với số tiền 500.000đ một lần chở các con bạc; N là người trực tiếp liên hệ và thuê Q5 dùng xe 16 chỗ chở các con bạc, Q5 biết và đồng ý chở. Sau khi bàn bạc thỏa T5, thống nhất và phân công vai trò của từng người, các bị cáo U4, N, M4, I, T11, C4 và Q5 đã tổ chức cho các con bạc đánh bạc trái phép tại căn hầm trong khuôn viên nhà U4 03 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Các bị cáo đã tổ chức cho khoảng 12 con bạc không rõ tên tuổi, địa chỉ đánh bạc trái phép tại căn hầm nhà U4 trong khoảng thời gian từ 23 giờ ngày 19/11/2019 đến 01 giờ ngày 20/11/2019 bằng hình thức chơi xóc đĩa. Tổng số tiền các con bạc sử dụng để đánh bạc khoảng 100.000.000đ. Sau khi tổ chức đánh bạc xong, C4 và T11 mỗi bị cáo được con bạc thắng cho 1.000.000đ. N mang theo 320.000.000đ (trong đó N có 220.000.000đ, M4 có 100.000.000đ); M4 mang theo 30.000.000đ, I mang theo 30.000.000đ cho các con bạc vay nhưng chưa con bạc nào vay. Số tiền U4 thu được là 5.000.000đ, U4 đưa N 500.000đ để trả Q5; N cầm tiền và đã trả 500.000đ cho Q5.

Lần 2: Các bị cáo đã tổ chức cho khoảng 15 con bạc không rõ tên tuổi, địa chỉ đánh bạc trái phép tại căn hầm nhà U4 trong khoảng thời gian từ 15 giờ đến 17 giờ ngày 20/11/2019 bằng hình thức chơi xóc đĩa, với số tiền đánh bạc khoảng 150.000.000đ. Sau khi tổ chức đánh bạc xong, C4 và T11 mỗi bị cáo được con bạc thắng cho 1.000.000đ. N tiếp tục mang theo 320.000.000đ (trong đó N có 220.000.000đ, M4 có 100.000.000đ); M4 mang theo 30.000.000đ, I mang theo 30.000.000đ cho các con bạc vay, nhưng chưa con bạc nào vay. Số tiền U4 thu được là 6.000.000đ, U4 đưa N 500.000đ để trả Q5; N cầm tiền và đã trả 500.000đ cho Q5.

Lần thứ 3: Các bị cáo tổ chức cho 31 con bạc đánh bạc trái phép tại căn hầm nhà U4 gồm: Vũ Văn A4, Phương N4 K4, Lê Xuân P4, Nguyễn Thị H5, Nguyễn Đình G4, Lê Văn T1, Đoàn Hữu T6, Nguyễn Thái I1, Dương Văn Z, Nguyễn Thị T5, Nguyễn Thanh H6, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thị M3, Nguyễn Văn T7, Nguyễn Văn Q2, Phạm Hồng K2, Nguyễn Văn G2, Nguyễn Văn R2, Trần Thị T8, Đàm Q3 T9, Nguyễn Hải T3, Đoàn Hải L3, Nguyễn Như Q3,

Nguyễn Văn M4, Bùi M4 T4, Bùi Công N4, Nguyễn Văn Đ2, Trần Văn H6, Nguyễn Thị P3, Giang Văn T10 và Trần Thị S3 đánh bạc bằng hình thức chơi xóc đĩa tại căn hầm nhà U4. N mang theo 342.000.000đ (trong đó N có 242.000.000đ, M4 có 100.000.000đ); M4 mang theo 30.000.000đ, I mang theo 30.000.000đ cho các con bạc vay. N cho Vũ Văn A4 vay 50.000.000đ với lãi suất cứ 1.000.000đ cắt lãi 50.000đ/1 ngày để đánh bạc, N chưa thu lãi của A4; M4 cho Nguyễn Văn C1 vay 30.000.000đ để đánh bạc nhưng cắt lãi luôn 1.500.000đ; I cho Nguyễn Đình G4 vay 30.000.000đ nhưng cắt lãi luôn 1.500.000đ để G4 đánh bạc. Tổng số tiền các con bạc sử dụng tổ chức đánh bạc và đánh bạc là 750.500.000đ. Khi tổ chức đánh bạc T11 thu tiền hồ của 21 con bạc được 14.700.000đ, T11 đưa toàn bộ số tiền này cho U4.

Các đối tượng tổ chức cho các con bạc đánh bạc đến khoảng 23 giờ 40 P4t cùng ngày thì bị Công an huyện V làm nhiệm vụ phát hiện, bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng liên quan đến vụ án.

[3] Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại phiên tòa Phúc thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy cấp sơ thẩm điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo Đặng Hoàn N, Nguyễn Văn I, Kiều Xuân Q về tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Dương Văn Z, Lê Văn T1, Nguyễn Thái I1, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn Q2, Phạm Hồng K2, Nguyễn Văn G2, Nguyễn Văn R2, Nguyễn Hải T3, Đoàn Hải L3, Bùi M4 T4 về tội “Đánh bạc” theo khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi của các bị cáo đã gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm đến trật tự nếp sống văn M4 của xã hội, đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến một số tệ nạn xã hội khác, vì vậy, A4 phải xử lý nghiêm các bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4.1] Trong vụ án này, đối với Đặng Hoàn N, Nguyễn Văn I và Kiều Xuân Q phạm tội tổ chức đánh bạc. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, trong đó bị cáo Đặng Hoàn N và Nguyễn Văn I thực hiện hành vi tích cực, cụ thể: Bị cáo N là người trực tiếp bàn bạc, mượn địa điểm để tổ chức đánh bạc 03 lần, mang số tiền 242.000.000đ cho các con bạc vay, chịu trách nhiệm thuê xe ô tô và đi theo xe để đưa đón các con bạc đến điểm phạm tội; bị cáo I mang số tiền 30.000.000đ cho các con bạc vay tiền, chịu trách nhiệm đảm bảo an ninh trong xóc bạc, trực tiếp đóng mở cửa hầm cho các con bạc ra vào, thu điện T3 của các con bạc, chuẩn bị máy dò kim loại để kiểm tra các thiết bị nghe gọi và chuẩn bị các dụng cụ để đánh bạc trong 03 lần. Đối với bị cáo Kiều Xuân Q thực hiện với vai trò giúp sức cho các đối tượng tổ chức việc đánh bạc, cụ thể được Đặng Hoàn N thuê đưa đón các con bạc đến địa điểm đánh bạc và

đưa về điểm xuất phát, được trả công 500.000 đồng/1 lần đưa đón, đã được trả công 1.000.000đ và đã nộp lại số tiền này; không tham gia bàn bạc trực tiếp, không phân công vai trò, nhiệm vụ, không có mặt trong xới bạc. Sau khi phạm tội các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Tại phiên tòa Phúc thẩm, các bị cáo N, I, Q5 cung cấp tài liệu chứng cứ là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, cụ thể: Bị cáo N trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Phúc thẩm bị cáo đã cứu giúp người đuối nước được chính quyền địa phương xác nhận; bị cáo I cung cấp tài liệu, chứng cứ mới là bị cáo đã tích cực hỗ trợ giúp Cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc xử lý các đối tượng đánh bạc bằng hình thức lô đề, có xác nhận của phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc; biên lai tự nguyện nộp tiền phạt bổ sung và án phí; bị cáo Q5 cung cấp tài liệu, chứng cứ mới là Giấy xác nhận của Công an phường Tích Sơn về việc bị cáo đã cung cấp thông tin chính xác, kịp thời cho lực lượng Công an phường Tích Sơn bắt giữ các đối tượng có hành vi mua bán trái phép chất ma túy trên địa bàn nên bị cáo N được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo I được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Q5 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo N, I kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, tuy nhiên các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần và tích cực nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo N, bị cáo I.

Bị cáo Q5 trước khi phạm tội có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên A4 chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

[4.2] Đối với Nguyễn Văn C1: Bị cáo thực hiện hành vi đồng phạm về tội đánh bạc, sử dụng 28.500.000đ để đánh bạc. Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu. Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, vì vậy Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4.3]. Đối với Dương Văn Z, Lê Văn T1: Trước khi phạm tội các bị cáo đều có nhân thân xấu, đều đã bị xử phạt hành chính và kết án về hành vi đánh bạc; các bị cáo thực hiện với vai trò tích cực, có số tiền tham gia đánh bạc nhiều, trong đó bị cáo Dương Văn Z sử dụng 24.000.000đ để đánh bạc; bị cáo Lê Văn T1 sử dụng 12.000.000đ để tham gia đánh bạc.

Tại cấp Phúc thẩm bị cáo Dương Văn Z cung cấp tài liệu, chứng cứ mới là đã có thành tích lập công, giúp đỡ Cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc điều

tra vụ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ở thành phố V5, bị cáo đang trực tiếp chăm sóc bố mẹ già hơn 90 tuổi đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được quy định tại điểm t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự

Đối với bị cáo Lê Văn T1 quá trình xét xử Phúc thẩm bị cáo Lê Văn T1 cung cấp tài liệu, chứng cứ mới là giấy xác nhận của Công an huyện L7 về việc bị cáo T1 đã cung cấp thông tin chính xác, kịp thời cho lực lượng Công an huyện L7 đấu tranh, triệt phá các đối tượng có hành vi đánh bạc dưới hình thức ghi lô đề, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có đủ điều kiện để áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự nên A4 chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[4.4] Đối với Nguyễn Thái I1: Bị cáo thực hiện hành vi đồng phạm về tội đánh bạc, sử dụng 3.000.000đ để đánh bạc. Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có bố là người có công với nước được Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất. Mặc dù bị cáo đã từng bị kết án nhưng đã được xóa án tích từ năm 2009, sau khi phạm tội bị cáo đã lập công, giúp Công an phường D3 bắt đối tượng truy nã Nguyễn Hương L8; trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Phúc thẩm bị cáo lại lập công giúp Công an phường P8, quận K1, thành phố Hải Phòng truy bắt các đối tượng có hành vi trộm cắp tài sản xảy ra ngày 08/8/2020 tại Bệnh viện Kiến An. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, số tiền tham gia đánh bạc ít hơn các bị cáo khác, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng và có thể tự cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội nên không A4 thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo nên A4 chấp nhận kháng cáo của bị cáo theo hướng giữ nguyên hình phạt nhưng cho bị cáo hưởng án treo.

[4.5] Đối với các bị cáo Nguyễn Văn Quý, Phạm Hồng K2, Nguyễn Hải T3, Đoàn Hải L3, Bùi Mạnh T4 kháng cáo xin hưởng án treo; bị cáo Nguyễn Văn G2, Nguyễn Văn R2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo thực hiện hành vi đồng phạm về tội đánh bạc, trong đó Nguyễn Văn Q2 sử dụng 9.800.000đ, Phạm Hồng K2 sử dụng 8.000.000đ, Nguyễn Văn G2 sử dụng 7.000.000đ, Nguyễn Văn R2 sử dụng 6.000.000đ, Nguyễn Hải T3 sử dụng 5.000.000đ, Đoàn Hải L3 sử dụng 5.000.000đ, Bùi M4 T4 sử dụng 4.000.000đ để đánh bạc. Sau khi phạm tội các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Tại cấp Phúc thẩm các bị cáo cung cấp các tài liệu, chứng cứ mới như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn Q2 cung cấp tài liệu chứng cứ mới: Bố bị cáo là thương binh với tỷ lệ thương tật là 61%; vợ bị cáo mắc bệnh hiểm nghèo (ung thư phổi), gia đình bị cáo là hộ nghèo/cận nghèo giai đoạn 2016 – 2020.

Bị cáo Phạm Hồng K2 cung cấp tài liệu chứng cứ mới: Bỏ để bị cáo là người có công với nước được tặng thưởng Huân chương chiến công hạng Nhất, Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất.

Bị cáo Nguyễn Văn G2 cung cấp tài liệu chứng cứ mới là hóa đơn tự nguyện nộp tiền phạt và án phí thể hiện thái độ chấp hành pháp luật và sự ăn năn của bị cáo; Giấy xác nhận của Công an thị trấn Gia Khánh, huyện B5, tỉnh Vĩnh Phúc xác nhận đã tích cực cung cấp thông tin giúp Công an truy bắt các đối tượng mua bán trái phép chất ma túy trên địa bàn; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, vợ chồng bị cáo đã ly hôn, bị cáo đang phải nuôi con nhỏ có xác nhận của chính quyền địa phương.

Bị cáo Nguyễn Văn R2 cung cấp tài liệu chứng cứ mới là hóa đơn tự nguyện nộp tiền phạt và án phí thể hiện thái độ chấp hành pháp luật và sự ăn năn của bị cáo; bỏ bị cáo là người có công với nước được tặng Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Ba; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn; bị cáo là lao động chính đang nuôi 03 con nhỏ.

Bị cáo Nguyễn Hải T3 cung cấp tài liệu chứng cứ mới là hóa đơn tự nguyện nộp tiền phạt và án phí về việc chấp hành bản án sơ thẩm đã tuyên; Xác nhận của UBND xã J1, huyện M1, thành phố Hà Nội xác nhận gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đang chăm sóc bố đã già yếu, là trụ cột chính trong gia đình, vợ ốm đau thường xuyên và phải chăm sóc 03 con nhỏ.

Bị cáo Đoàn Hải L3, Bùi Mạnh T4 cung cấp tài liệu chứng cứ mới về việc đã tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam; bị cáo L3 có bố được tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến hạng Nhì, Ba; bị cáo T4 có mẹ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba.

Như vậy, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Trước khi phạm tội đều có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại phiên tòa Phúc thẩm cung cấp thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, có nơi cư trú, ổn định, rõ ràng, vì vậy A4 chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo R2, bị cáo Hùng và chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Q2, Khánh, T3, R2, Hùng, L3 và T4.

[5] Tại phiên tòa Phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N, I, C1, Dương Văn Z, Lê Văn T1, R2, G2; cho các bị cáo Q5, Q2, I1, R2, G2, T3, K2, L3, T4 được hưởng án treo là phù hợp quy định của pháp luật A4 được chấp nhận.

[6] Án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự Phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đặng Hoàn N (tên gọi khác Đ), Nguyễn Văn I, Kiều Xuân Q, Nguyễn Văn C1, Dương Văn Z, Lê Văn T1, Nguyễn Thái I1, Nguyễn Văn Q2, Phạm Hồng K2, Nguyễn Văn G2, Nguyễn Văn R2, Nguyễn Hải T3, Đoàn Hải L3 và Bùi Mạnh T4. Sửa bản án sơ thẩm số 47/2020/HSST ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Tuyên bố các bị cáo Đặng Hoàn N (tên gọi khác Đ), Nguyễn Văn I và Kiều Xuân Q phạm tội "Tổ chức đánh bạc".

Tuyên bố các bị cáo Dương Văn Z, Lê Văn T1, Nguyễn Thái I1, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn Q2, Phạm Hồng K2, Nguyễn Văn G2, Nguyễn Văn R2, Nguyễn Hải T3, Đoàn Hải L3, Bùi Mạnh T4 phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng điểm a, b, c khoản 1 Điều 322; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17 và 58 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Đặng Hoàn N 02 (Hai) năm 02 (Hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2019 đến ngày 19/5/2020.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn I 02 (Hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2019 đến ngày 23/4/2020.

Áp dụng điểm a, b, c khoản 1 Điều 322; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1, 2, 5 Điều 65; Điều 17 và 58 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Kiều Xuân Q 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án Phúc thẩm.

Giao bị cáo Kiều Xuân Q cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. T11 hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án Hình sự.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C1 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/11/2019 đến ngày 30/11/2019.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Dương Văn Z 02 (Hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2019 đến ngày 22/5/2020.



- Xử phạt bị cáo Lê Văn T1 02 (Hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2019 đến ngày 23/4/2020.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thái I1 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án Phúc thẩm.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G2 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án Phúc thẩm.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn R2 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án Phúc thẩm.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải T3 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án Phúc thẩm.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q2 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án Phúc thẩm.

- Xử phạt bị cáo Phạm Hồng K2 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án Phúc thẩm.

- Xử phạt bị cáo Đoàn Hải L3 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án Phúc thẩm.

- Xử phạt bị cáo Bùi Mạnh T4 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án Phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thái I1 cho Ủy ban nhân dân phường L1, quận K1, thành phố Hải Phòng; bị cáo Nguyễn Văn Q2 cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; bị cáo Phạm Hồng K2 cho Ủy ban nhân dân xã T2, huyện V2, thành phố Hải Phòng; bị cáo Nguyễn Văn G2 cho Ủy ban nhân dân xã O2, huyện D1, tỉnh Vĩnh Phúc; bị cáo Nguyễn Văn R2, Nguyễn Hải T3 cho Ủy ban nhân dân xã J1, huyện M1, thành phố Hà Nội; bị cáo Đoàn Hải L3 cho Ủy ban nhân dân xã V3, thị xã O3, tỉnh Phú Thọ; bị cáo Bùi Mạnh T4 cho Ủy ban nhân dân phường S2, thành phố V4, tỉnh Phú Thọ giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự Phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án Phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

*Nơi nhận:*

- Bị cáo;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện V;
- TAND huyện V;
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Sở Tư pháp các tỉnh Vĩnh Phúc, Phú Thọ, TP. Hà Nội và TP. Hải Phòng.
- UBND các xã, phường nơi các bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ; Toà Hình sự; HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đã ký**

**Nguyễn Thị Thu Hà**